

Số: 10/2003/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 01 năm 2003

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Về việc ban hành Quy định về phân cấp Quản lý đường bộ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Nghị định số 167/1999/NĐ-CP ngày 26/11/1999 của Chính phủ về tổ chức quản lý đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số: 323/TT-GTVT ngày 10 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành Quy định về phân cấp Quản lý đường bộ tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về phân cấp quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quy định về phân cấp quản lý đường bộ là cơ sở để các cấp, các ngành trong tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, sửa chữa và phát triển hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển Kinh tế - Xã hội - An ninh Quốc phòng của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 392/QĐ-UB ngày 24 tháng 4 năm 1996 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý đường bộ.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trong tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Hà Phúc Mịch

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý đường bộ tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2003/QĐ-UB ngày 20 tháng 01 năm 2003)

Để làm tốt công tác Quản lý và sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ hiện có, thực hiện giao khoán quản lý và duy tu sửa chữa thường xuyên đến hộ gia đình định cư ven đường được thuận lợi, UBND tỉnh quy định về phân cấp quản lý hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cụ thể như sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Công tác quản lý đường bộ thuộc hệ thống quản lý Nhà nước, nhằm đảm bảo duy trì lâu dài khả năng sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống giao thông đường bộ, phục vụ nhu cầu giao lưu đi lại và phát triển Kinh tế - Xã hội - An ninh Quốc phòng trong tỉnh.

Điều 2. Hệ thống giao thông đường bộ bao gồm:

Nền đường, mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước, các loại cầu, cống, kè, tường chắn, đường ngầm, đường tràn, bến phà, bến cầu phao, hệ thống tường hộ lan, cọc tiêu, biển báo hiệu, mốc lộ giới, cột ki lô mét, hệ thống chiếu sáng, hành lang bảo vệ đường bộ...

Điều 3. Các tuyến đường bộ trong tỉnh hiện nay:

1. Các tuyến Quốc lộ (ký hiệu QL), tổng chiều dài: 244,6km. Gồm có:

1.1 Quốc lộ 2: Từ xã Đội Bình, huyện Yên Sơn đến xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, chiều dài 90km;

1.2 Quốc lộ 37: Từ đỉnh đèo Khế xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương đến phà Hiên và cầu Bồng xã Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, chiều dài 63,4Km;

1.3 Quốc lộ 2C: Từ xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương đến xã Lãng Quán huyện Yên Sơn, chiều dài 91,2km (không kể 6,3 km đi chung QL 37);

(Chi tiết theo phụ lục 1 kèm theo)

1.4 Tuyến Quốc lộ 279: Hiện UBND tỉnh đã thống nhất với Bộ Giao thông Vận tải về phương án hướng tuyến qua địa phận tỉnh Tuyên Quang. Tuyến

đường sẽ được điều chỉnh bổ sung về phân cấp quản lý sau khi xác định cụ thể chiều dài tuyến.

2. Các tuyến đường tỉnh (ký hiệu ĐT): Tổng chiều dài 326,6 km, trong đó:

2.1 Tuyến ĐT 176: Từ Km 166 QL2 xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên đến xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, chiều dài: 142km;

2.2 Tuyến ĐT 185: Từ Ngã ba Nông Tiến, thị xã Tuyên Quang đến thị trấn Chiêm Hoá, chiều dài: 74,1km;

2.3 Tuyến ĐT 187: Từ ngã ba Đài Thị đến đỉnh đèo Kéo Mác, xã Yên Lập, huyện Chiêm Hoá, chiều dài: 14km;

2.4 Tuyến ĐT 188: Từ thị trấn Vĩnh Lộc đến xã Bình An huyện Chiêm Hoá, chiều dài: 45km;

2.5 Tuyến ĐT 189: Từ xã Bình Xa (tiếp giáp đường ĐT 176) đến xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, chiều dài: 51,5km.

(Chi tiết theo phụ lục 2 kèm theo)

3. Các tuyến đường huyện (ký hiệu là ĐH): Là các đường nối từ trung tâm huyện hoặc trục đường chính đến trung tâm xã, mỗi xã có 1 tuyến đường huyện. Tổng chiều dài các tuyến đường huyện trong tỉnh là 688,8 km.

Bao gồm:

Huyện Nà Hang = 164,5 km;

Huyện Chiêm Hoá = 140,0 km;

Huyện Hàm Yên = 54,2 km;

Huyện Yên Sơn = 153,5 km;

Huyện Sơn Dương = 176,6 km;

(Chi tiết theo phụ lục 3 kèm theo)

4. Các tuyến đường xã (ký hiệu là ĐX); là các đường nối từ trung tâm hành chính xã hoặc từ trục đường chính đến thôn, xóm, bản.

5. Các tuyến đường đô thị: (Ký hiệu ĐĐT): Chiều dài 85,01 km, là các đường giao thông nằm trong phạm vi thị xã Tuyên Quang và các thị trấn huyện lỵ. *(Chi tiết theo phụ lục 4)*

6. Các tuyến đường chuyên dùng (Ký hiệu ĐCD): Là các đường nội bộ hoặc đường chuyên phục vụ cho nhu cầu vận chuyển và đi lại của các Công Nông - Lâm trường, Nhà máy, xí nghiệp, cơ quan.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ HỆ THỐNG GIAO THÔNG TRONG TỈNH

Điều 4. Các tuyến Quốc Lộ:

4.1 Tuyến Quốc lộ 2: Bộ Giao thông Vận tải đã giao cho Công ty Quản lý và sửa chữa đường bộ 232 thuộc Khu quản lý đường bộ 2 - Cục đường bộ Việt Nam quản lý và sửa chữa.

4.2 Tuyến Quốc lộ 37 và Quốc lộ 2C: Bộ Giao thông Vận tải uỷ quyền cho tỉnh quản lý. Giao cho công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng cầu đường giao thông Tuyên Quang trực tiếp quản lý và sửa chữa.

Điều 5. Các tuyến đường tỉnh, đường huyện, các công trình cầu, các bến phà, cầu phao, giao cho UBND huyện trực tiếp quản lý và chỉ đạo các Hạt Quản lý giao thông huyện quản lý, sửa chữa theo địa giới hành chính huyện.

Điều 6. Hệ thống đường xã, giao cho UBND các xã trực tiếp quản lý sửa chữa theo địa giới hành chính xã.

Điều 7. Hệ thống đường giao thông thuộc thị xã Tuyên Quang giao cho UBND thị xã quản lý và phân cấp cho Công ty quản lý và xây dựng phát triển đô thị cùng các xã, phường trong thị xã quản lý sửa chữa.

Các tuyến đường đô thị ở các thị trấn giao cho UBND các huyện quản lý và chỉ đạo các Hạt Quản lý Giao thông cùng UBND thị trấn quản lý, sửa chữa theo phân cấp của UBND huyện.

Điều 8. Các tuyến đường chuyên dùng giao cho các cơ quan có đường trực tiếp quản lý và sửa chữa. Việc điều chỉnh đường chuyên dùng thành đường huyện phải được UBND tỉnh quyết định; thành đường xã phải do UBND huyện quyết định.

Chương III

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ GIAO THÔNG

Điều 9. Sở Giao thông Vận tải là cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh có chức năng tham mưu cho UBND tỉnh về quản lý, xây dựng ngành Giao thông Vận tải địa phương, xây dựng quy hoạch, kế hoạch hàng năm và dài hạn về phát

triển Giao thông Vận tải. Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh và chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Giao thông Vận tải.

Nhiệm vụ của Sở Giao thông Vận tải được quy định như sau:

1. Chủ trì cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phát triển hệ thống giao thông trong tỉnh, trên cơ sở tham gia ý kiến của UBND các huyện, thị. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã chỉ đạo các đơn vị quản lý giao thông lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên, định kỳ hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Thẩm định thiết kế dự toán các công trình duy tu, sửa chữa đường bộ để cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị quản lý giao thông thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý và sửa chữa hệ thống đường bộ, theo phân cấp quản lý của tỉnh, của huyện, thị xã và các quy định hiện hành;

4. Hướng dẫn và kiểm tra công tác khoán quản lý duy tu bảo dưỡng đường bộ của các đơn vị Quản lý giao thông trong tỉnh;

5. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ giao thông xã, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân giao thông.

Điều 10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn.

Nhiệm vụ của UBND huyện, thị xã được quy định cụ thể như sau:

1. Được UBND tỉnh uỷ quyền xét duyệt thiết kế, dự toán, quyết toán các công trình sửa chữa định kỳ có tổng mức đầu tư từ 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng) trở xuống;

2. Phê duyệt dự toán và quyết toán vốn sửa chữa thường xuyên được cấp theo quy định và mức kế hoạch giao hằng năm;

3. Tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông - vận tải trên địa bàn huyện, thị xã với các ngành chức năng của tỉnh, để trình UBND tỉnh phê duyệt;

4. Chỉ đạo các Hạt quản lý giao thông trong công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng đường bộ, quản lý hành lang bảo vệ đường bộ trên địa bàn huyện, giao khoán quản lý và sửa chữa thường xuyên cho các cá nhân và hộ dân ven đường;

5. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn và các ban, ngành trong huyện, thị xã huy động nhân dân đóng góp nghĩa vụ lao động dưới mọi hình thức để quản lý, sửa chữa các tuyến đường huyện, đường xã. Đồng thời có kế hoạch phân chia Quản lý đường bộ theo lãnh thổ đến từng xã.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC CỦA CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ GIAO THÔNG

Điều 11. Chức năng nhiệm vụ và tổ chức của các Hạt Quản lý giao thông huyện:

Các Hạt Quản lý giao thông huyện là đơn vị sự nghiệp kinh tế, có chức năng và nhiệm vụ như sau:

1. Chức năng:

- Quản lý Nhà nước về giao thông - vận tải trên địa bàn huyện;
- Quản lý và sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột suất hệ thống đường bộ trong địa bàn huyện, đảm bảo giao thông vận tải an toàn thông suốt. Quản lý hành lang bảo vệ đường bộ không để xảy ra hành vi vi phạm, lấn chiếm. Tham gia cùng với đơn vị quản lý đường để bảo vệ hệ thống đường bộ, hành lang bảo vệ đường bộ trên các tuyến Quốc lộ đi qua địa phương.

2. Nhiệm vụ:

2.1 Về quản lý Nhà nước:

- Lập kế hoạch phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn, đá hoá, bê tông hoá đường thôn bản, ngõ xóm;
- Lập kế hoạch và dự toán công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên, định kỳ, hệ thống đường giao thông trong huyện trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Tham mưu cho UBND huyện trong công tác giữ gìn trật tự, an toàn giao thông, quản lý phương tiện vận tải và người điều khiển, quản lý bến xe, điểm đỗ, trên địa bàn huyện;
- Tổ chức, hướng dẫn các xã trong công tác xây dựng công trình giao thông nông thôn, đá hoá, bê tông hoá đường thôn bản với hình thức nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ.

2.2 Về quản lý và sửa chữa đường bộ:

- Trực tiếp Quản lý, bảo vệ các công trình giao thông, trật tự an toàn giao thông, đảm bảo cho công tác khai thác đường bộ thông suốt, an toàn;

- Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các tuyến đường được giao. Khẩn trương sửa chữa khi có sự cố đột xuất gây ách tắc đường hoặc ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

- Bố trí lực lượng công nhân làm công tác quản lý sửa chữa đường bộ và hợp đồng giao khoán với công nhân và các hộ dân định cư ven đường làm công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên đường bộ. Tổ chức nghiệm thu, thanh toán cho các hộ nhận khoán. Lập, trình quyết toán kinh phí sửa chữa hàng năm.

2.3 Xây dựng các công trình giao thông nông thôn:

- Tham gia công tác khảo sát, thiết kế, thẩm định hồ sơ thiết kế, nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình giao thông thuộc thẩm quyền được UBND huyện phân công;

- Trực tiếp tổ chức thi công các công trình giao thông nông thôn, các tuyến đường đá dăm, bê tông xi măng thôn bản, ngõ xóm trên địa bàn huyện khi được UBND huyện phân công;

3. Về tổ chức:

3.1 Các Hạt Quản lý giao thông huyện được biên chế 03 cán bộ làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Giao thông Vận tải trên địa bàn huyện, hưởng lương hành chính sự nghiệp từ nguồn ngân sách cấp, gồm có:

- Hạt trưởng phụ trách chung, kiêm đội trưởng đội thanh tra giao thông;

- 01 Hạt Phó phụ trách kỹ thuật, kiêm công tác quản lý Nhà nước về giao thông, vận tải;

- 01 Cán bộ kỹ thuật làm công tác phát triển giao thông nông thôn kiêm Thanh tra giao thông.

3.2 Lực lượng cán bộ kỹ thuật, kế toán, công nhân làm nhiệm vụ quản lý sửa chữa đường bộ, giao khoán đường cho các đối tượng nhận khoán được biên chế tùy thuộc số ki lô mét đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị được giao nhiệm vụ quản lý sửa chữa. Ủy ban nhân dân các huyện căn cứ tình hình thực tế xem xét phê duyệt biên chế hợp đồng cho Hạt.

Điều 12. Các xã, phường, thị trấn ở các huyện, thị xã có 01 cán bộ kiêm nhiệm trong số 19 định suất cán bộ xã (theo Nghị định số 09/CP của Chính phủ) làm công tác quản lý giao thông vận tải trên địa bàn xã.

Cán bộ giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước UBND huyện, thị xã và UBND xã, phường, thị trấn về quản lý giao thông vận tải trên địa bàn. Tham

muu cho UBND xã lập kế hoạch và bố trí lao động trong xã một cách hợp lý để mở mới, đá hóa, bê tông hóa đường thôn bản. Tổ chức lực lượng để sửa chữa kịp thời, đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt. Nắm chắc số lượng, chất lượng phương tiện vận tải thủy, bộ, người điều khiển trên địa bàn.

Lập biên bản để xử lý những hành vi vi phạm Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông trên địa bàn xã, phường, thị trấn, tham gia quản lý hành lang bảo vệ đường bộ trên địa bàn (kể cả Quốc lộ và đường tỉnh, đường huyện).

Chương V

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ

Điều 13. Nguồn vốn đầu tư cho công tác quản lý, sửa chữa đường bộ:

1. Nguồn vốn đầu tư cho quản lý, sửa chữa đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, chủ yếu bố trí từ nguồn vốn của Ngân sách tỉnh và từ các nguồn vốn hỗ trợ khác.

2. Vốn đầu tư cho sửa chữa hệ thống đường xã chủ yếu huy động từ đóng góp bằng kinh phí hoặc nhân công của nhân dân địa phương, và huy động lao động công ích, lao động xã hội.

3. Công tác phát triển giao thông nông thôn, mở mới, đá hoá, bê tông hoá đường thôn bản thực hiện theo phương thức nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ thuốc nổ, sắt thép, xi măng và công kỹ thuật.

Điều 14. Vốn hỗ trợ cho công tác sửa chữa thường xuyên, định kỳ, đột suất:

1. Vốn hỗ trợ cho quản lý và sửa chữa thường xuyên:

Hàng năm UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho công tác quản lý và sửa chữa thường xuyên theo định mức tính cho từng loại: Đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị. Căn cứ số lượng ki lô mét từng loại đường của mỗi huyện, thị xã và định mức trên, UBND tỉnh giao kế hoạch ngay từ đầu năm để các huyện, thị xã có kinh phí thanh toán cho các đối tượng nhận khoán và mua vật tư, nhiên liệu cho công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên hệ thống đường được giao.

Trong quá trình thực hiện nếu có biến động về chính sách tiền lương, giá vật tư... do Nhà nước quy định làm ảnh hưởng đến định mức chi phí trên thì Sở Giao thông Vận tải phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính Vật giá lập phương án điều chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Vốn hỗ trợ cho sửa chữa định kỳ:

Căn cứ yêu cầu của công tác sửa chữa định kỳ gồm: Sơn các cầu thép; bảo dưỡng cầu treo, cầu phao, phà, ca nô, pu li cáp, bôi mỡ gối cầu; láng nhựa lớp 2, vá ổ gà, xử lý cao su, tẩy lượn sóng mặt đường cấp phối, đường đất với khối lượng lớn... theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải. Các Hạt quản lý giao thông lập báo cáo đầu tư ngay từ đầu năm để UBND các Huyện, thị xã trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở ghi kế hoạch năm. Sau khi có thông báo kế hoạch năm, các hạt Quản lý giao thông tiến hành khảo sát, lập dự toán chi tiết, qua Sở Giao thông Vận tải thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, làm căn cứ để thi công và thanh quyết toán như đối với các công trình xây dựng cơ bản.

3. Vốn hỗ trợ cho sửa chữa đột suất: Là công việc sửa chữa cấp thiết do lũ lụt thiên tai hoặc sự cố tai nạn làm hư hỏng cầu, đường. Công tác này phải được xử lý gấp với khả năng sẵn có của đơn vị trực tiếp quản lý, đồng thời báo cáo UBND Tỉnh, Sở Giao thông Vận tải để có biện pháp xử lý triệt để và trợ giúp nếu cần thiết.

Trong quá trình tiến hành sửa chữa đột suất, cần có sự kiểm tra xác nhận của chính quyền xã sở tại, phòng Kế hoạch Đầu tư, phòng Tài chính huyện, UBND huyện. Công tác sửa chữa đột suất được đầu tư theo báo cáo phương án xử lý kỹ thuật được lập, qua sở chuyên ngành thẩm định để tham mưu cho UBND Tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí, nhưng được phép vừa triển khai thi công vừa hoàn thành các thủ tục cần thiết.

Điều 15. Công tác khoán quản lý, sửa chữa đường giao thông:

Thực hiện giao khoán quản lý, sửa chữa thường xuyên đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho cá nhân người lao động và các hộ dân ven đường.

Sở Giao thông Vận tải chủ trì phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá và UBND các huyện, thị xã chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị quản lý giao thông trên địa bàn Tỉnh thực hiện công tác khoán quản lý, sửa chữa thường xuyên đường giao thông. Đảm bảo sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ duy tu, bảo dưỡng đường bộ hàng năm của tỉnh.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 16. Bản Quy định về quản lý giao thông đường bộ được thi hành trên toàn tỉnh và tiếp tục bổ sung hoàn thiện để phù hợp với yêu cầu quản lý sửa chữa và xây dựng phát triển hệ thống đường bộ trong tỉnh.

Giao cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài chính - Vật giá, Thủ trưởng các Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các Huyện, Thị xã, Chủ tịch UBND các Xã, Phường, Thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị quản lý giao thông, căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 17. Những tập thể, cá nhân làm tốt công tác quy định trên đây được khen thưởng. Mọi hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý đường bộ, làm trái các quy định trên, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Hà Phúc Mịch

Phụ lục 1
HỆ THỐNG QUỐC LỘ TRONG TỈNH

TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Lý trình	Điểm đầu	Điểm cuối
I	Trung ương	<u>90</u>	Do Công ty QL và SC ĐB 232 - Khu QLDB 2 quản lý		
1	Quốc lộ 2	90	Km 115 - km 205	Xã Đội Bình Yên Sơn	Xã Yên Lâm Hàm Yên
II	Địa phương	<u>154,6</u>	Bộ ủy quyền cho địa phương, do Công ty Cổ phần QL và xây dựng cầu đường giao thông Tuyên Quang quản lý		
1	Quốc lộ 37	63,400			
	-	61,352	Km 172 + 800 - km 238 + 152	Đèo Khế - xã Hợp Thành - Sơn Dương	Cầu Bông, xã Mỹ Lâm - Yên Sơn
	-	2,048	Km 234 + 700 - 236 + 748 (Nhánh đi phà Hiên)		
2	Quốc lộ 2C	91,2	Km 49 + 750 - km 147 + 250	Xã Sơn Nam - Sơn Dương	Xã Lăng Quán - Yên Sơn

Phụ lục 2
HỆ THỐNG ĐƯỜNG TỈNH VÀ ĐỊA DANH QUẢN LÝ CỦA CÁC HUYỆN

TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Lý trình	Địa danh quản lý
	TỔNG CỘNG	<u>326,6</u>		
1	ĐT 176 (Tràng Dương - Thượng Giáp)	142	Km 0 - Km 142	Km 166 QL2 - xã Thượng Giáp - huyện Na Hang
	Huyện Hàm Yên	8	Km 0 - Km 8	Xã Thái Sơn - xã Bình Xa
	Huyện Chiêm Hóa	52	Km 8 - Km 60	Xã Yên Nguyên - xã Xuân Lập
	Huyện Na Hang	82	Km 60 - Km 142	Xã Thanh Tương - xã Thượng Giáp
2	ĐT 185 (Nông Tiến - Kim Bình - Chiêm Hóa)	74,1	Km 0 - Km 74,1	Km 211 QL37 - TT Vĩnh Lộc - Chiêm Hóa
	Thị xã Tuyên Quang	7,0	Km 0 - Km 7	Xã Nông Tiến - xã Tràng Đà
	Huyện Yên Sơn	42	Km 7 - Km 49	Xã Tân Long - xã Kiến Thiết
	Huyện Chiêm Hóa	25,1	Km 49 - Km 74,1	Xã Kim Bình - TT Vĩnh Lộc
3	ĐT 187 (Đài Thị - Keo Mác)	14	Km 0 - Km 14	Đài Thị - đỉnh đèo Keo Mác (xã Yên Lập)
	Huyện Chiêm Hóa	14	Km 0 - Km 14	Xã Yên Lập
4	ĐT 188 (Chiêm Hóa - Bình An)	45	Km 0 - Km 45	Thị trấn Vĩnh Lộc - xã Bình An
	Huyện Chiêm Hóa	45	Km 0 - Km 45	Thị trấn Vĩnh Lộc - xã Bình An
5	ĐT 189 (Bình Xa - Yên Thuận)	51,5	Km 0 - Km 51,5	Km 6 ĐT 176 - xã Yên Thuận
	Huyện Hàm Yên	51,5	Km 0 - Km 51,5	Xã Bình Xa - xã Yên Thuận

Phụ lục 3
HỆ THỐNG ĐƯỜNG HUYỆN

STT	Tên đường	Chiều dài (km)	Địa danh quản lý
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	<u>688,8</u>	
1	Huyện Na Hang	164,5	
1.1	Sơn Phú - Bản Lãm - Yên Hoa	16	Xã Sơn Phú - xã Yên Hoa
1.2	Yên Hoa - Sinh Long	16	Xã Yên Hoa - xã Sinh Long
1.3	Thượng Lâm - Lang Can	12	Xã Thượng Lâm - xã Lang Can
1.4	Thượng Lâm - Phúc Yên	16	Xã Thượng Lâm - xã Phúc Yên
1.5	Đà Vị - Hồng Thái	13	Xã Đà Vị - xã Hồng Thái
1.6	Nè - Thanh Tương	4	Nè - xã Thanh Tương
1.7	Na Hang - Thúy Loa	53	Thị trấn Na Hang - xã Thúy Loa
1.8	Yên Hoa - Côn Lôn	7,0	Xã Yên Hoa - xã Côn Lôn
1.9	Yên Hoa - Khau Tinh	13,5	Xã Yên Hoa - xã Khau Tinh
1.10	Lang Can - Xuân Lập	14	Xã Lang Can - xã Xuân Lập
2	Huyện Chiêm Hóa	140	
2.1	Phúc Thịnh - Trung Hà	32	Km 34 ĐT 176 - xã Trung Hà
2.2	Kim Bình - Linh Phú	18	Xã Kim Bình - xã Linh Phú
2.3	Đầm Hồng - Kiên Đài	19	Xã Ngọc Hội - xã Kiên Đài
2.4	Yên Lập - Bình Phú	8	Xã Yên Lập - xã Bình Phú
2.5	Chiêm Hóa - Nhân Lý	16	TT Vĩnh Lộc Chiêm Hóa - Nhân Lý
2.6	Vinh Quang - Bình Nhân	5	Xã Vinh Quang - xã Bình Nhân
2.7	Minh Quang - Hồng Quang	25	Xã Minh Quang - xã Hồng Quang
2.8	Na Héc - Hà Lang	8	Xã Tân Mỹ - xã Hà Lang
2.9	Phúc Thịnh - Tân Thịnh	3	Xã Phúc Thịnh - xã Tân Thịnh
2.10	Xuân Quang - Hùng Mỹ	6	Xã Xuân Quang - xã Hùng Mỹ
3	Huyện Hàm Yên	54,2	
3.1	TT Tân Yên - Nhân Mục	6	Thị trấn Tân Yên - Nhân Mục
3.2	Đức Ninh - Hùng Đức	11	Km 159 QL 2 - xã Hùng Đức
3.3	Thái Hòa - Hồng Thái	6	Km 162QL 2 - xã Thái Hòa

STT	Tên đường	Chiều dài (km)	Địa danh quản lý
1	2	3	4
3.4	Bình Xa - Minh Hương	13	Chợ Bình Xa - xã Minh Hương
3.5	Thái Sơn - Bằng Cốc	15,2	Xã Thái Sơn (km 166 QL2) - xã Bằng Cốc
3.6	Km 199 QL2 - Yên Lâm	3	Km 199 QL2 - xã Yên Lâm
4	Huyện Yên Sơn	153,5	
4.1	Hùng Lợi - Trung Minh	14	Xã Hùng Lợi - xã Trung Minh
4.2	Thái Bình - Công Đa - Đạo Viện	19	Xã Thái Bình - xã Công Đa - xã Đạo Viện
4.3	Km 130 QL2 - Bình Ca	8	Xã Lương Vương - xã An Khang
4.4	Mỹ Bằng - Đội Cấn	22	Xã Mỹ Bằng - xã An Khê - xã Đội Cấn
4.5	Trung Môn - Chân Sơn	7	Xã Trung Môn - xã Chân Sơn
4.6	Trung Môn - Kim Phú	10	Xã Trung Môn (Bộ CHQS tỉnh) - xã Kim Phú
4.7	Km 126 QL2 - Thái Long	4	Km 126 QL2 - xã Thái Long
4.8	Cầu Tiên Phong - Thắng Quân	3	Cầu Tiên Phong - Xã Thắng Quân
4.9	Tứ Quận - Quý Quân	22	Cầu Tứ Quận (km 150 QL2) - xã Quý Quân
4.10	Phúc Ninh - Chiêu Yên	9	Xã Phúc Ninh - xã Chiêu Yên
4.11	Trung Sơn - Hùng Lợi	9,5	Ngã ba Trung Sơn - xã Hùng Lợi
4.12	Thái Bình - Tiến Bộ	5	Xã Thái Bình - xã Tiến Bộ
4.13	Tràng Đà - Tân Tiến	10	Xã Tràng Đà - xã Tân Tiến
4.14	Km 146 QL2 - Lăng Quán	5	Km 146 QL2 - xã Lăng Quán
4.15	Km 123 QL2 - xã Đội Cấn	2	Km 123 QL2 - xã Đội Cấn
4.16	Km 221 QL37 - Hoàng Khai	4	Km 221 QL37 - xã Hoàng Khai
5	Huyện Sơn Dương	176,6	
5.1	Thượng Âm - Sơn Nam	53	Thượng Âm - Tam Đa - Sơn Nam
5.2	Tam Đa - Phan Lương	4	Xã Tam Đa - xã Phan Lương
5.3	Thượng Âm - Kim Xuyên - Tam Đa	34	Xã Thượng Âm - Vĩnh Lợi - Kim Xuyên - Tam Đa
5.4	Chi Thiết - Phú Lương	13	Xã Chi Thiết - xã Phú Lương

STT	Tên đường	Chiều dài (km)	Địa danh quản lý
1	2	3	4
5.5	Kỳ Lâm - Ninh Lai	26	Thị trấn Sơn Dương - xã Ninh Lai
5.6	Kỳ Lâm - Lương Thiện	12	Thị trấn Sơn Dương - xã Lương Thiện
5.7	Tuân Lộ - Đông Thọ	18	Xã Tuân Lộ - xã Đông Thọ
5.8	Tân Trào - Bình Yên	3	Xã Tân Trào - xã Bình Yên
5.9	Trần Suối Lê - Minh Thanh	3	Trần Suối Lê - Minh Thanh
5.10	Tân Trào - Trung Yên	6	Xã Tân Trào - xã Trung Yên
5.11	Cầu Trắng - Lán Nà Lừa	4,6	Xã Tân Trào

Phụ lục 4
HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐÔ THỊ

STT	Tên đường	Chiều dài (km)	Lý trình	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	<u>85,01</u>		
I	Huyện Na Hang	<u>2,00</u>		
1	Đường quanh thị trấn Na Hang	2,00	Km 0 - Km 2	
II	Huyện Chiêm Hóa	5,50		
1	Khánh Thiện - Quảng Thái	2,30	Km 0 - Km 2 + 300	
2	Ngòi Năm - Bến xe cũ	0,70	Km 0 - Km 0 + 700	
3	Hiệu sách - Hạt Giao thông	0,93	Km 0 - Km 0 + 930	
4	Hạt Giao thông - cầu Ngòi Năm	0,60	Km 0 - Km 0 + 600	
5	Đường ngang - Phố mới	0,27	Km 0 - Km 0 + 270	
6	Đường vào khu TT3	0,30	Km 0 - Km 0 + 300	
7	Đường Rẹ 1	0,40	Km 0 - Km 0 + 400	
III	Huyện Hàm Yên	4,15		
1	Ngã ba kho bạc - dốc Đền	1,70	Km 0 - Km 1 + 700	
2	Kiểm sát - Ngoại thương	0,30	Km 0 - Km 0 + 300	
3	Chợ mới - Chợ cũ	0,50	Km 0 - Km 0 + 500	
4	Nhà VH TT - cầu Tân Yên	0,65	Km 0 - Km 0 + 650	
5	Tân Thành - cầu Tân Yên	1,00	Km 0 - Km 1	
IV	Huyện Yên Sơn	5,30		
1	Đường quanh UBND huyện	1,30	Km 0 - Km 1 + 300	
2	Đường quanh TT Tân Bình	4,00	Km 0 - Km 4	Do Z 113 bảo dưỡng
V	Huyện Sơn Dương	1,6		
1	Tuyến đường 13B	1,6	Km 0 - Km 1 + 600	
VI	Thị xã Tuyên Quang	66,46	Chi tiết có biểu đính kèm	

BIỂU THỐNG KÊ ĐƯỜNG ĐÔ THỊ THỊ XÃ TUYÊN QUANG: 66,46 KM

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ:			<u>66,46</u>
I	Phường Phan Thiết			<u>4,84</u>
1	Đường Phan Thiết	Ngã ba QL2	Ngã ba đường 17/8	0,90
2	Đường Phan Thiết 1	Đường Quang Trung 3	Cánh đồng	0,31
3	Đường Phan Thiết 2	Đường Quang Trung 3	Trạm xá Phường	0,49
4	Đường Phan Thiết 3	Đường Quang Trung 3	Công ty Cầu đường	0,27
5	Đường Quang Trung 1	Đường Phan Thiết	Đường Phan Thiết 3	0,35
6	Đường Quang Trung 2	Đường Phan Thiết	Đường Phan Thiết 3	0,34
7	Đường Quang Trung 3	Đường Phan Thiết	Đường Phan Thiết 3	0,35
8	Đường vào trạm Đăng Kiểm cũ	Đường Q.Trung (QL2)	Trường cấp II Phan Thiết	0,12
9	Đường dọc Sở KHCN - MT	Đường 17/8	Đường Quang Trung	0,50
10	Đường sau cơ khí Q.Thắng	Đường Phan Thiết 3	Cuối tổ nhân dân	0,10
11	Đường vào khu B+C Phan Thiết	Đường 17/8	Cuối tổ nhân dân	0,28
12	Đường tiểu khu Phan Thiết 2	Ngã tư Trường Phan Thiết	Cuối tổ 27	0,35
13	Đường vào tập thể Tỉnh ủy	Ngã ba dốc Tỉnh ủy	Tập thể Tỉnh ủy	0,25
14	Đường vào Tổ 2 Phan Thiết	Đường 17/8	Cuối tổ 2 Phan Thiết	0,12
15	Đường Ngang khu C	Đường vào khu B	Đường vào khu C	0,110
II	Phường Minh Xuân			<u>8,86</u>
1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 17/8	Nhà máy Đường	1,20

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)
1	2	3	4	5
2	Đường Xuân Hòa	Bưu điện	Đường CT. Sông Lô	0,85
3	Đường Xuân Hòa 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường CT. Sông Lô	0,26
4	Đường Xuân Hòa 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường CT. Sông Lô	0,29
5	Đường Xuân Hòa 3	Đường Trần Hưng Đạo	Đường CT. Sông Lô	0,19
6	Đường Xuân Hòa 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường CT. Sông Lô	0,20
7	Đường Xuân Hòa 5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường CT. Sông Lô	0,29
8	Đường Xuân Hòa 6	Đường Trần Hưng Đạo	Đường CT. Sông Lô	0,30
9	Đường Xuân Hòa 7	Đường Trần Hưng Đạo	Đường CT. Sông Lô	0,28
10	Đường Xuân Hòa 8	Đường Trần Hưng Đạo	Đường CT. Sông Lô	0,28
11	Đường Ngô Quyền	Nhà máy Đường	Đường tránh lũ QL 2	1,09
12	Đường sau Tỉnh ủy	Đường Tỉnh ủy	Đường tránh lũ QL 2	0,65
13	Đường tiểu khu Bình Thuận	Đường 17/8	Đường Tân Trào	0,31
14	Đường dọc Khí tượng T.V	Đường 17/8	Đường Tân Trào	0,30
15	Đường rạp Tháng 8	Đường 17/8	Đường Tân Trào	0,34
16	Đường Trường Hồng Thái	Đường 17/8 (đốc số 2)	Giáp đường bê tông sân vận động	0,35
17	Đường lên Nhà thờ	Đường Trần Hưng Đạo	Cổng Nhà thờ	0,40
18	Đường Vườn Thánh	Đường Ngô Quyền	Vườn Thánh	0,30
19	Đường đi bến đò Tràng Đà	Đường Trần Hưng Đạo	Đường CT. Sông Lô	0,35
20	Đường khu dân cư tổ 6	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối tổ 6	0,23

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)
1	2	3	4	5
21	Đường HTX thủy tinh cũ	Đường Ngô Quyền	HTX thủy tinh	0,40
III	Phường Tân Quang			<u>14,76</u>
1	Đường Lê Lợi	Ngã 5 chợ	Cầu gạo	1,30
2	Đường tiểu khu Lê Lợi	Ngã 6 đường B.Thuận	Công ty Dược	0,35
3	Đường Quang Trung	Ngã 3 Phú Mùi	Ngã tư tám mảnh	0,40
4	Đường Chiến Thắng Sông Lô	Cầu Chả cũ	Nhà máy đường	2,30
5	Đường 17/8	Khách sạn Lô Giang	Phòng CSGT	2,50
6	Đường Bình Thuận	Sở Thể dục Thể thao	Cầu Chả mới	1,40
7	Đường Tân Quang 1	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	0,37
8	Đường Tân Quang 2	Đường CT. Sông Lô	Đường Lê Lợi	0,35
9	Đường Tân Quang 3	Đường CT. Sông Lô	Đường Lê Lợi	0,28
10	Đường Tân Quang 4	Đường CT. Sông Lô	Cuối phố	0,16
11	Đường Tân Quang 5	Đường CT. Sông Lô	Đường Nguyễn Trãi	0,13
12	Đường Tân Quang 6	Công ty điện máy	Ngã ba QL2	1,10
13	Đường Tân Quang 7	Đường CT. Sông Lô	Đường Cổng lấp	0,13
14	Đường Tân Quang 8	Đường CT. Sông Lô	Đường Cổng lấp	0,18
15	Đường ngang	Ngã 4 đường T.Quang	Trường Bình Thuận	0,25
16	Đường Nguyễn Trãi	Ngã tư HTX Tám mảnh	Góc vuông thành Nhà Mạc	0,55
17	Đường Tam Cờ	Bến xe cũ	Đường Tân Quang 6	0,44

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)
1	2	3	4	5
18	Đường Đức Nghĩa	Ngã ba QL2	Ngã ba đường Tuyên Quang 6	0,10
19	Đường quanh hồ - công viên cây xanh			1,62
20	Đường sau sân vận động	Đường Bình Thuận	Đường 17/8	0,35
21	Đường ngang Thị ủy	Đường CT. Sông Lô	Đường sau sân vận động thị xã	0,10
22	Đường Tiểu khu nam Bình Thuận	Trường cấp II Bình Thuận	Trường cấp I Bình Thuận	0,10
23	Đường qua Công an Thị xã	Đường Bình Thuận	Đường quanh hồ	0,30
IV	Xã Ý La			<u>12,90</u>
1	Đường Trường Tiến	Ngã 3 Công an tỉnh	Cầu Trung Quốc	3,20
2	Đường vào khu Kinh tế mới Thanh niên	Ngã 3 Sở Địa chính	Đến hết địa phận Thị xã	1,50
3	Đường Tỉnh đội - Làng Đồng	Tỉnh đội	Xã Kim Phú	1,60
4	Tân Hà - Ý La	Ngã 3 Tân Hà	Số 4 Ý La (QL2)	2,50
5	Đường ngang xóm 1	Xóm 1	Ngã 3 Trường Tiến	1,00
6	Đường ngang	Ngã 3 đường tránh lũ	Đường Trường Tiến	1,30
7	Đường ngang	Ngã 3 đường tránh lũ	Ngã 3 Bệnh viện A	1,00
8	Đường ngang	Đường Trường Tiến	Nhà văn hóa xóm 10	0,80
V	Xã Hưng Thành			<u>7,80</u>
1	Đường Chợ Mận - Rặng Cau	Ngã 3 Chợ Mận	Ngã 3 đường Hiên	1,70
2	Đường Phú Hưng	Ngã 3 Quốc lộ	N.trang H.thành cũ	2,20
3	Đường đi cầu Bình An	Ngã 3 UBND xã	Cầu Bình An	0,40
4	Đường Bình Thành	HTX Bình Thành	Cây Đa 2	1,70

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)
1	2	3	4	5
5	Đường Ngọc Kim	Cầu Ngọc Kim	Đầu xóm Ngọc Kim	0,40
6	Đường Cầu Gạo	Cầu Gạo	Xóm Bình An	1,40
VI	Xã Nông Tiến			<u>12,25</u>
1	Đường Trại Tầm	Đầu cầu Nông Tiến	Xóm nhà Tầm	1,50
2	Bến phà - Dốc Đỏ	Đường bến phà cũ	Đường Tân Trào	0,80
3	Đường đi mỏ đá	Chân dốc Đát	QL37	1,70
4	Ngã ba bến phà cũ - Cầu nhà máy giấy	Xóm 4	Cầu Nhà máy giấy	1,10
5	Đường đi bến phà cũ	Đầu cầu Nông Tiến	Bến phà cũ	0,25
6	Đường ngang qua trường Bồ túc văn hóa	Ngã 4 đường Tân Trào	Ngã 3 Bưu điện	1,20
7	Đường xã	Trường cấp II	Xóm 13	1,50
8	Đường đi Đát	ĐT 185	Chân dốc Đát	0,45
9	Đường liên thôn	Xóm 6	QL37	0,80
10	Đường xóm 2	ĐT 185	Xóm 2	0,50
11	Đường xóm 5	Xóm 5	Xóm 18	2,00
12	Đường vào bãi rác	Quốc lộ 37	Bãi rác	0,45
VII	Xã Tràng Đà			<u>5,05</u>
1	Tràng Đà - Xóm 4	ĐT 185	Bến đò Tân Hà	1,60
2	Đường Đền Ghènh	ĐT 185	Đền Ghènh	0,65
3	Đường XM Bột Kẽm	ĐT 185	Cuối xóm 10	0,65
4	Đường bến đò Tân Hà	ĐT 185	Bến đò Tân Hà	0,90
5	Đường xóm 8	ĐT 185	Cuối xóm 8	0,50
6	Đường xóm 6	ĐT 185	Cuối xóm 6	0,75

TỔNG HỢP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DO CÁC HUYỆN, THỊ QUẢN LÝ

TT	Huyện - thị	Đường bộ (Km)			
		Tổng số	Đường Tỉnh	Đường Huyện	Đường đô thị
	TỔNG SỐ:	<u>1.100,41</u>	<u>326,60</u>	<u>688,80</u>	<u>85,01</u>
1	Na Hang	248,50	82,00	164,50	2,00
2	Chiêm Hóa	281,50	136,00	140,00	5,50
3	Hàm Yên	117,85	59,50	54,20	4,15
4	Yên Sơn	200,80	42,00	153,50	5,30
5	Sơn Dương	178,20		176,60	1,60
6	Thị xã Tuyên Quang	73,56	7,10		66,46